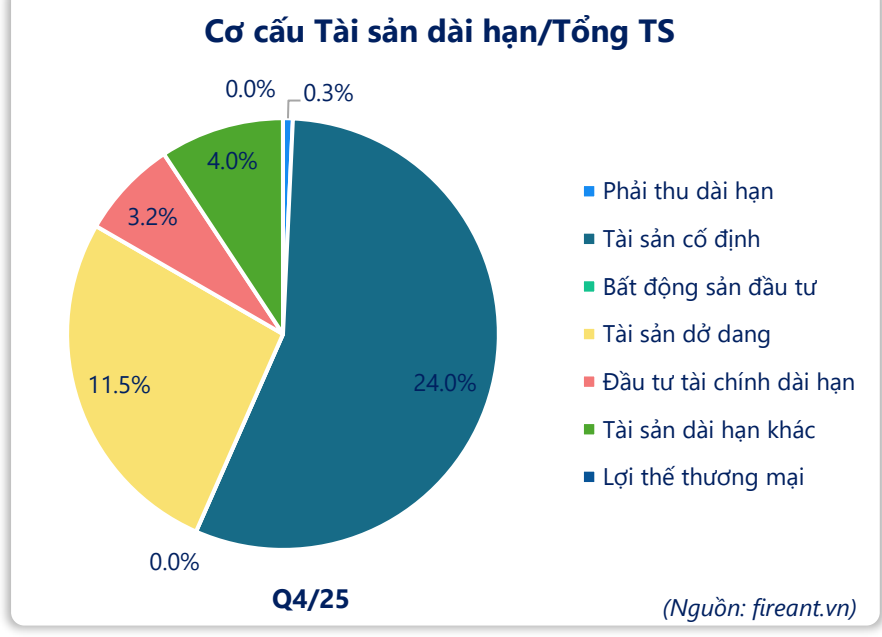
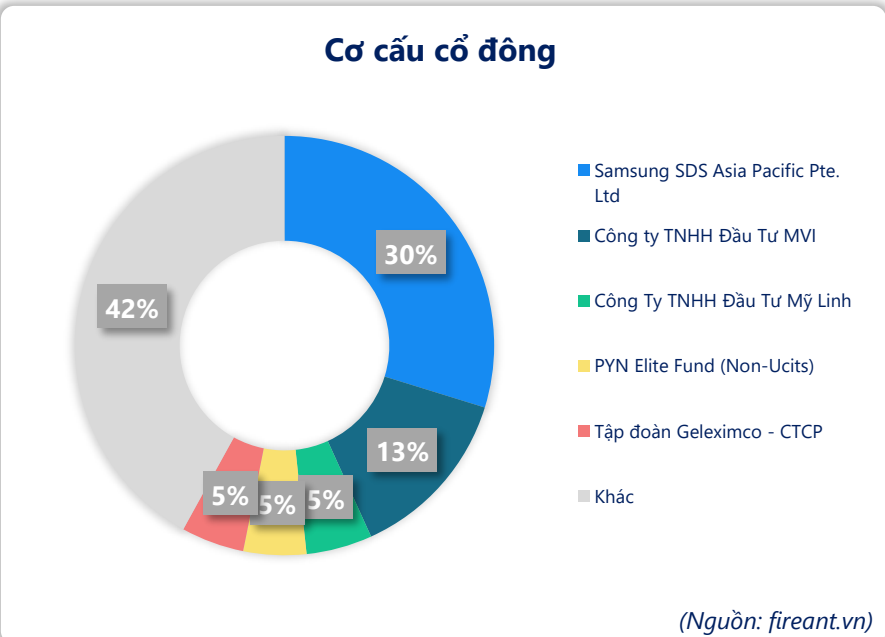
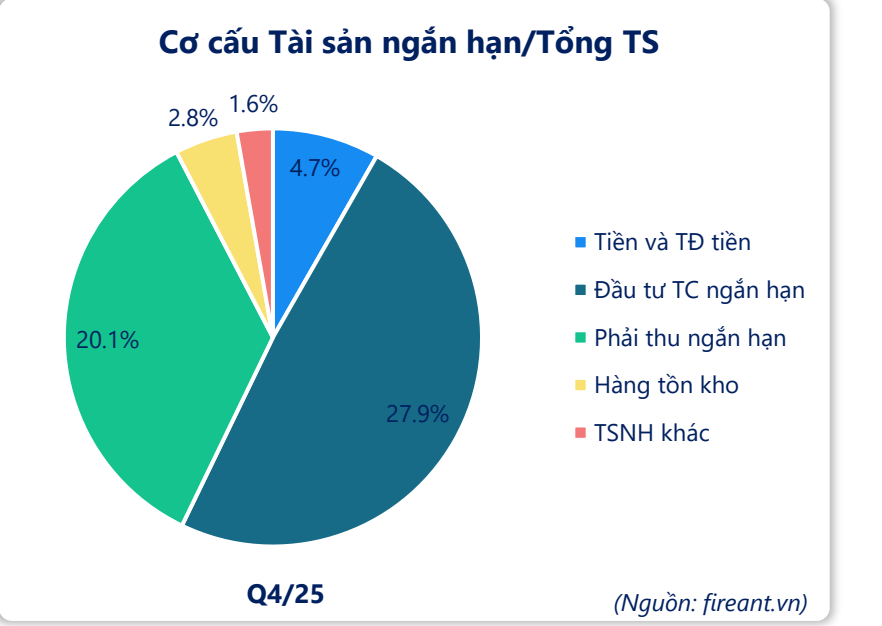
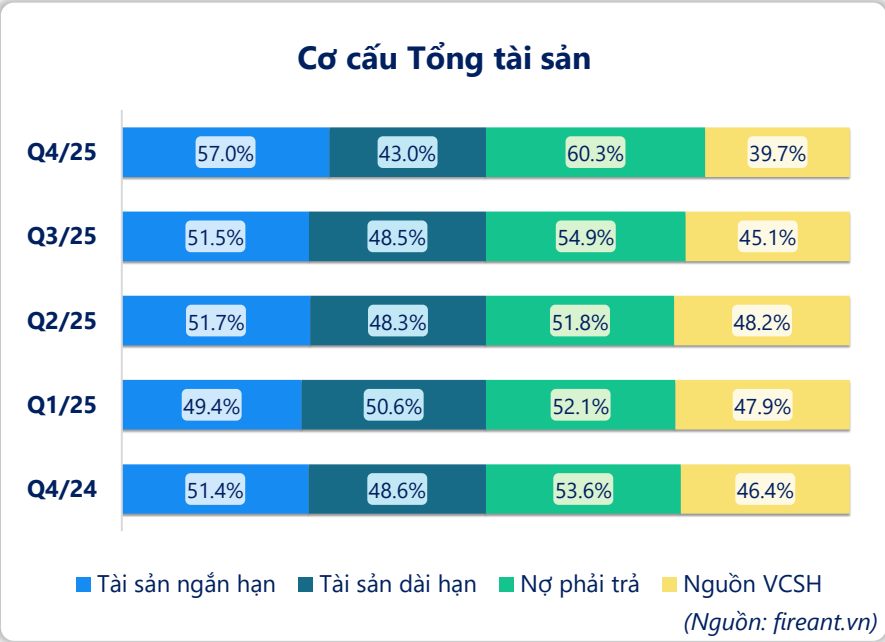
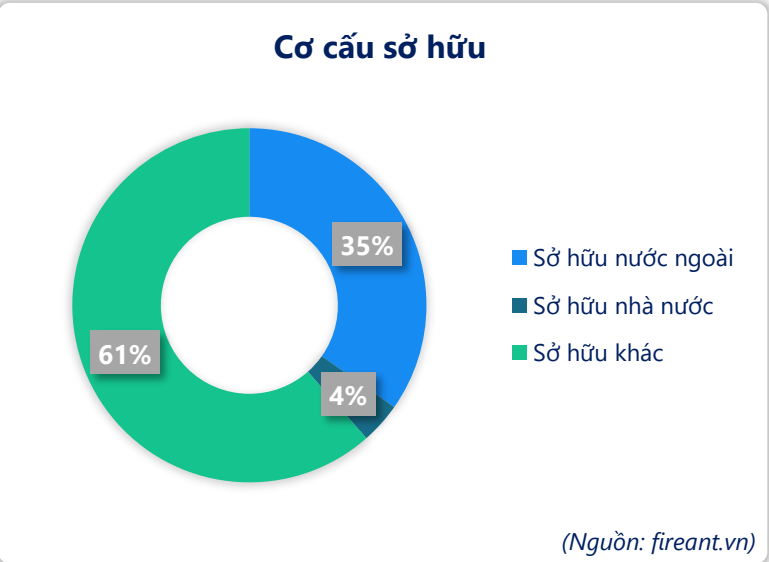
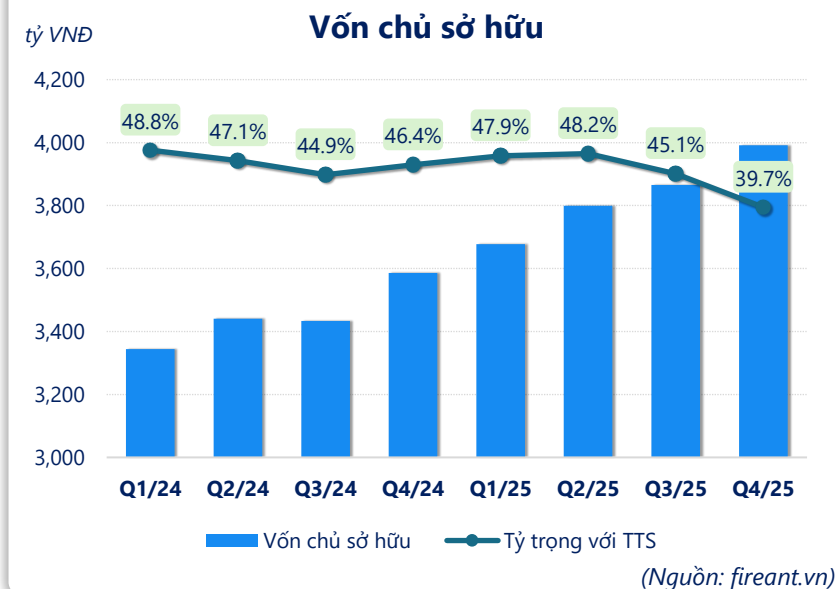
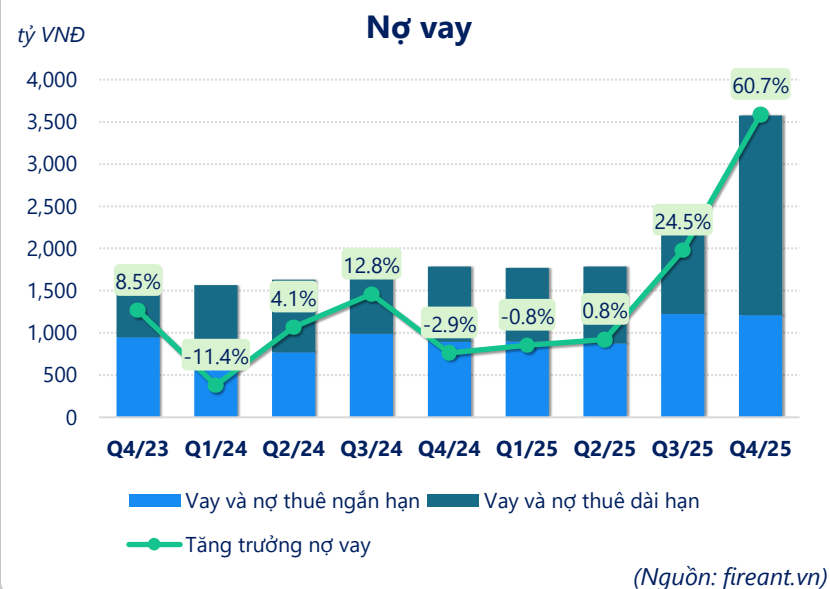
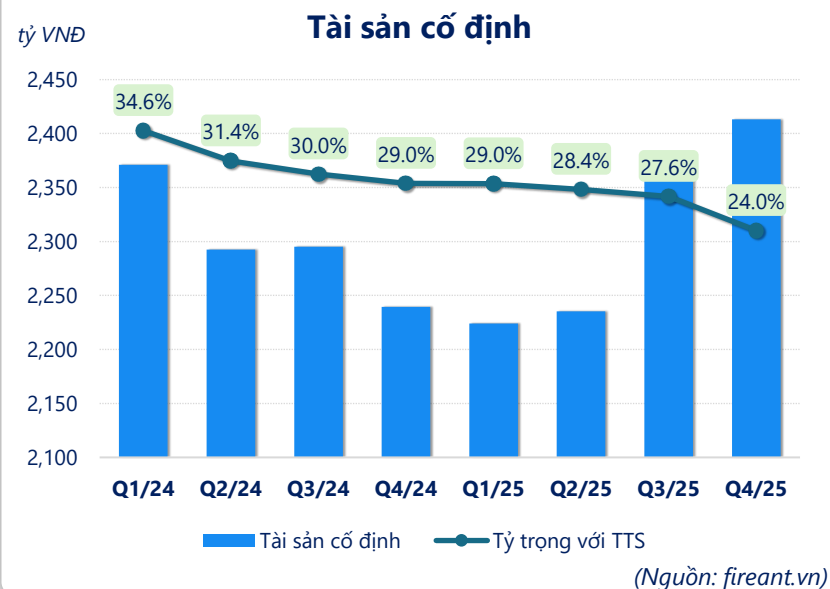
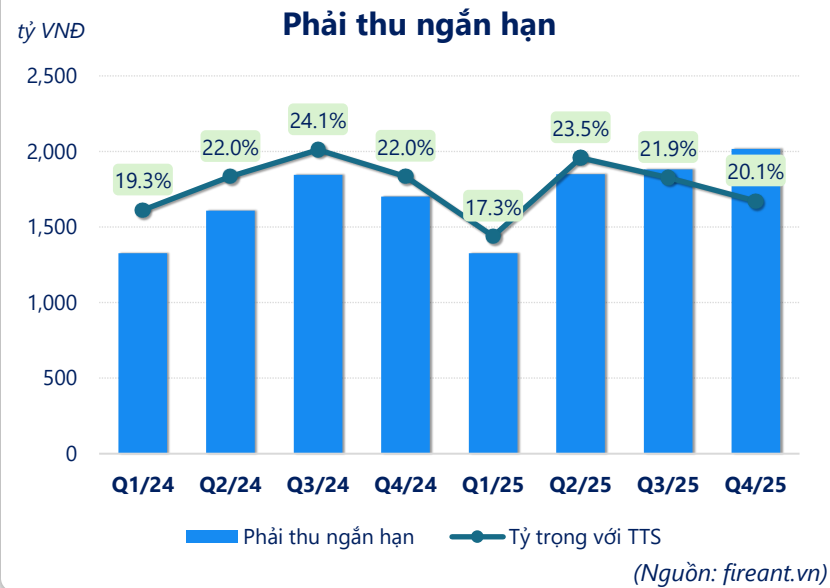
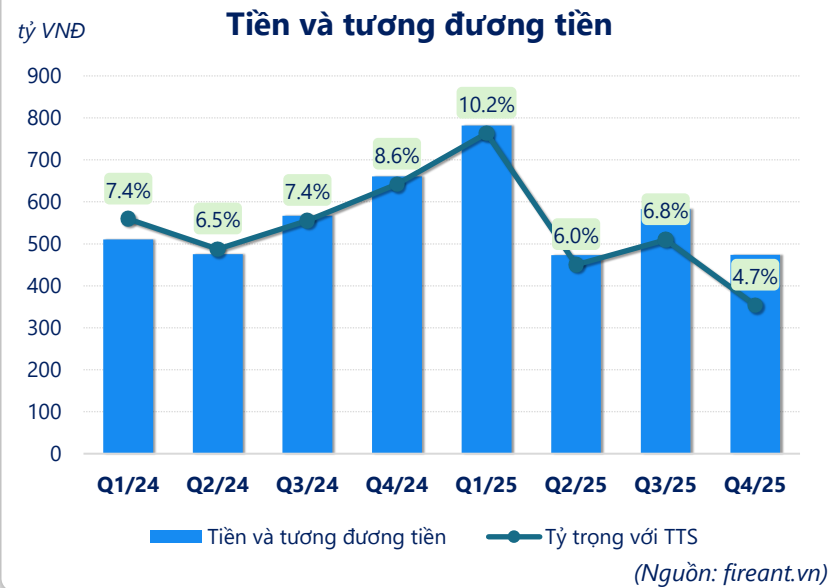
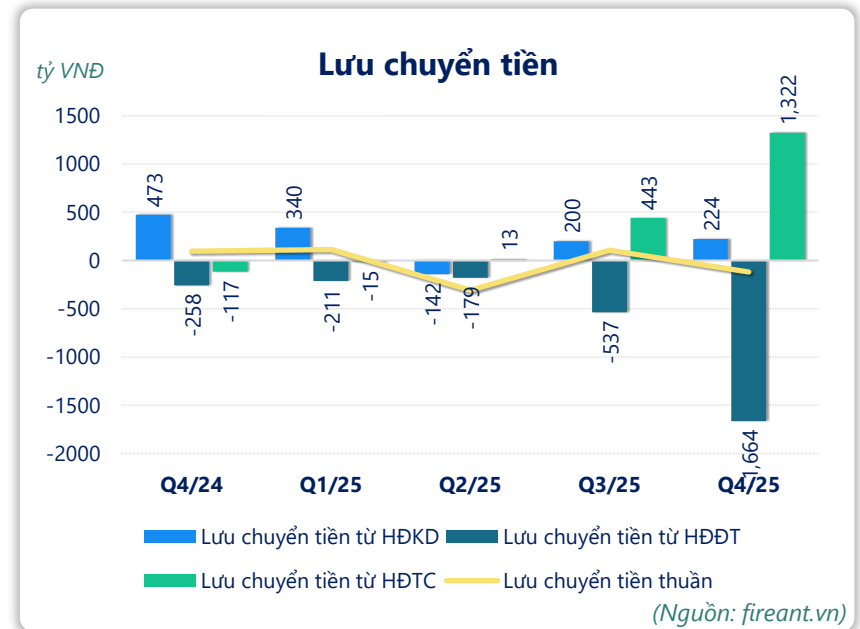
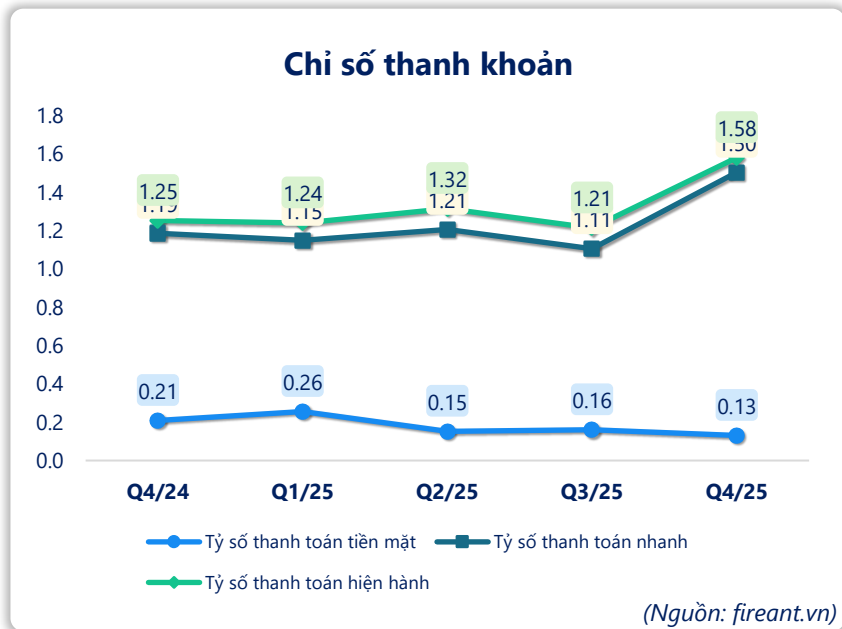
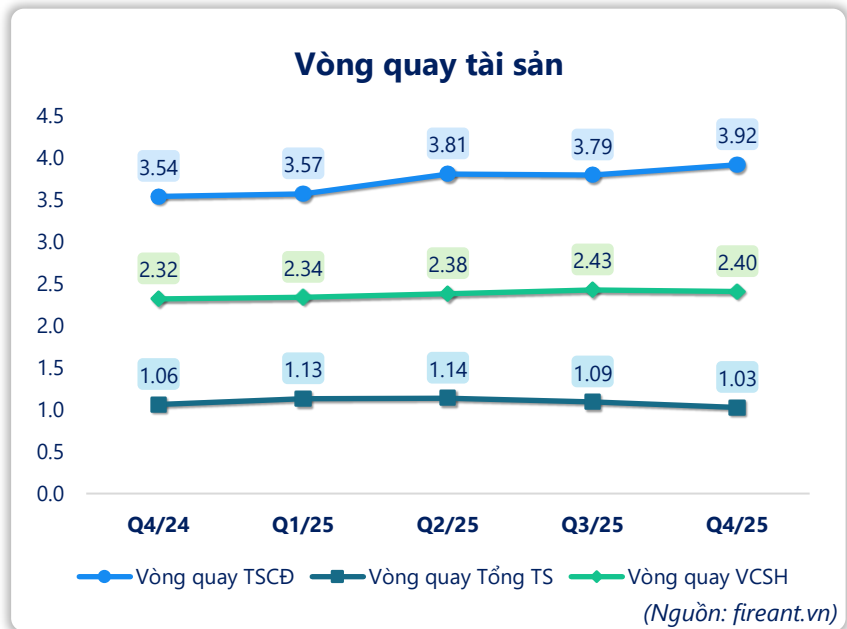
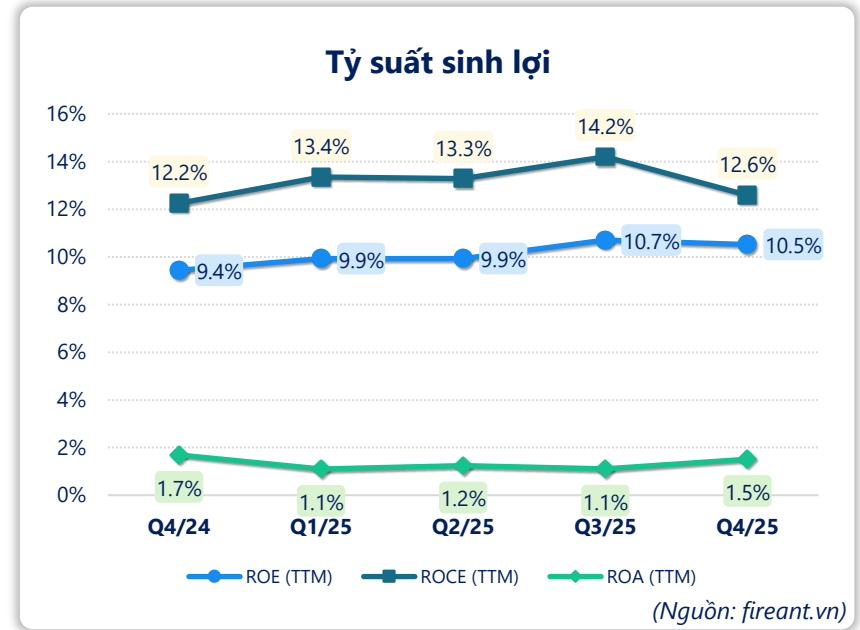
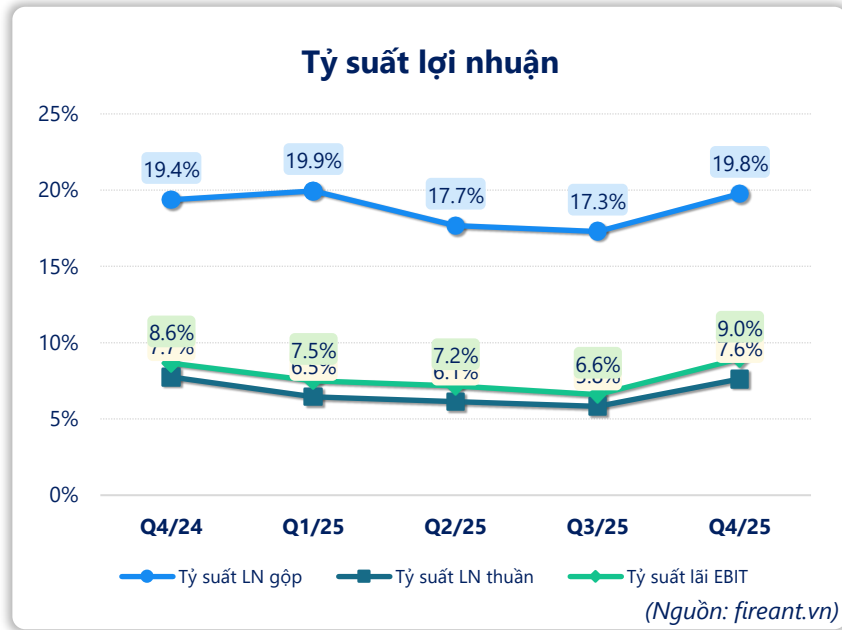
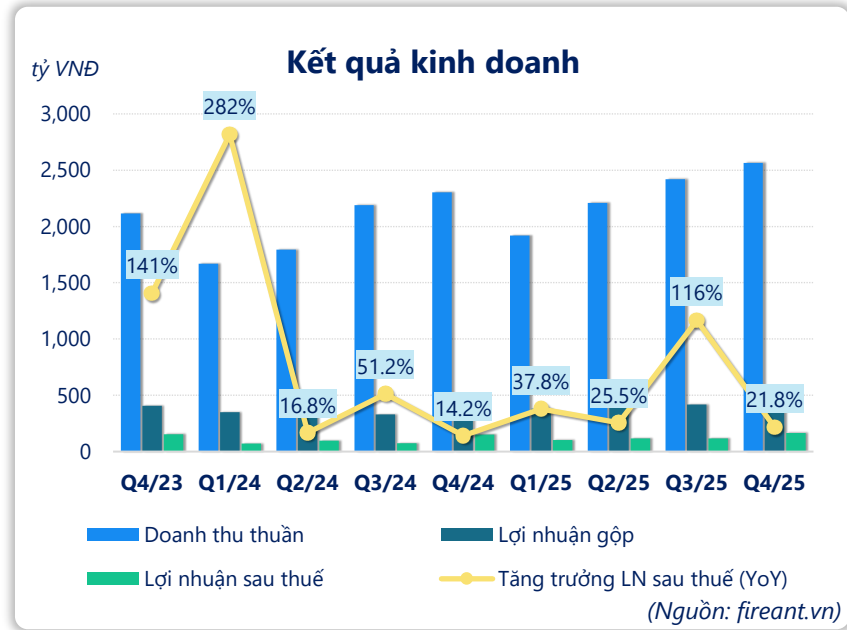


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,864
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,227
SL cổ phiếu LH		211,730,207
KLGD BQ 20 phiên (CP)		237,235
% sở hữu nước ngoài		34.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		7,538
P/E		18.9
EPS		1,883

	YTD	1T	3T	6T
CMG	-20.6%	5.8%	-1.2%	-6.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	10,048	7,720	30.2%
Tài sản ngắn hạn	5,729	3,964	44.5%
Tiền và tương đương tiền	474	661	-28.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,801	1,284	118%
Phải thu ngắn hạn	2,016	1,701	18.6%
Hàng tồn kho	278	213	30.5%
Tài sản ngắn hạn khác	159	107	49.7%
Tài sản dài hạn	4,320	3,755	15.0%
Phải thu dài hạn	31.8	31.3	1.3%
Tài sản cố định	2,413	2,240	7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,155	978	18.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	318	84.1	278%
Tài sản dài hạn khác	402	423	-5.0%
Lợi thế thương mại	0.11	0	
Nợ phải trả	6,057	4,134	46.5%
Nợ ngắn hạn	3,623	3,164	14.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,209	895	35.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	779	906	-14.1%
Nợ dài hạn	2,434	970	151%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,364	892	165%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,991	3,586	11.3%
Vốn chủ sở hữu	3,991	3,586	11.3%
Vốn điều lệ	2,118	1,904	11.2%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,303	1,918	2,210	2,420	2,563
Giá vốn hàng bán	1,857	1,535	1,819	2,002	2,057
Lợi nhuận gộp	446	383	391	418	507
Doanh thu HĐTC	21.3	41.8	32.7	36.3	3.01
Chi phí TC	36.7	21.0	28.3	27.2	36.6
Chi phí lãi vay	24.3	16.5	22.3	19.1	34.6
LN trong công ty LKLD	6.78	9.88	11.4	10.6	19.0
Chi phí bán hàng	134	148	133	154	130
Chi phí QLDN	125	142	138	143	167
LN thuần từ HĐKD	178	124	136	141	195
Lợi nhuận khác	-3.54	3.64	-0.03	-0.50	-0.38
LN trước thuế	175	127	136	141	195
Lợi nhuận sau thuế	151	103	117	116	166
LNST của CĐ cty mẹ	127	80.0	94.2	90.0	135

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	473	340	-142	200	224
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-258	-211	-179	-537	-1,664
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-117	-15.3	13.3	443	1,322
Tiền đầu kỳ	567	661	781	473	583
Lưu chuyển tiền thuần	98.0	113	-309	105	-118
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.83	7.24	0	4.84	8.56
Tiền cuối kỳ	661	781	473	583	474

(Nguồn: fireant.vn)